TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST Ngày 07-3-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Cao Văn D, trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L xây dựng hạnh phúc với anh Cao Văn D do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường và có 04 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh D chơi bài bạc, thường uống rượu say gây sự đánh chửi vợ con, đập phá đồ đạc, đốt sách vở của con và đe đốt nhà, chị phải báo chính quyền thôn đến can thiệp. Ngoài ra anh D còn chơi ma túy đá, chị biết đã nhiều lần khuyên can anh D nhưng không thay đổi cách sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, chị không thể chịu đựng được khi sống chung với anh D nên chị đã thuê nhà cùng 04 con ra nhà trọ ở và sống ly thân với anh D từ tháng 9 năm 2022. Hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Cao Văn D. Về con chung: Chị L và anh D có 04 con chung là Cao Thanh T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011, Cao Thị Thu T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014, Cao Thanh S, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Cao Thanh X, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2020. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi 04 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn D đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị L xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Cao Văn D không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Cao Văn D. Về con chung: Giao con Là Cao Thanh T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011, Cao Thị Thu T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014, Cao Thanh S, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Cao Thanh X, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2020 cho chị L nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Cao Văn D. Anh D có nơi cư trú tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Cao Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Văn D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Cao Văn D xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 04 con chung. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, gia đình đông con, kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ với nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên chị L đưa các con thuê nhà trọ ở và sống ly thân với anh D từ tháng 9 năm 2022 đến nay, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không hợp tác và không có ý kiến gì về việc chị L xin ly hôn anh. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh D là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh D có 04 con chung là Cao Thanh T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011, Cao Thị Thu T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014, Cao Thanh S, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Cao Thanh X, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2020. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi 04 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi các con. Xét hiện nay chị L có công việc, có thu nhập, có nơi ở đảm bảo nuôi các con ăn học. Cháu T và cháu T có đơn đề nghị xin được ở với chị L. Đối với anh D không có ý kiến gì về con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử giao 04 con là Cao Thanh T, Cao Thị Thu T, Cao Thanh S và Cao Thanh X cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Cao Văn D.

2. Về con chung: Giao con Cao Thanh T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011, Cao Thị Thu T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014, Cao Thanh S, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Cao Thanh X, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Cao Văn D cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001371 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị L và anh Cao Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn